

CHƯƠNG 21.

Paris. Đêm Ba Mươi Tết âm lịch.

12 giờ khuya từ quán café làm việc trở về, đã vào giường rồi mà tôi còn nghe tiếng bấm chuông gọi cửa. Vài người bạn quen ở Paris tìm đến chúc mừng năm mới. “Đêm Ba Mươi nơi xứ người mà nằm nhà thì buồn lắm”, họ bảo. “Chúng mình đi kiếm cái gì uống đi!”

Tôi nghĩ nhanh đến nỗi vắng vẻ trong tâm hồn và cả trong ngôi nhà đêm Ba Mươi Tết. (Mẹ tôi và đứa con trai nhỏ đã xuống Marseille thăm gia đình người anh lớn từ tuần trước). Sự quạnh hiu làm chùng tâm thức. Nén, khoác áo dạ, đội mũ laine, theo bạn bè lội tuyết đi tìm rượu uống.

Quán xá đóng cửa gần hết. Phải đi vòng tròn khu Quartier Latin mới tìm thấy một cái quán của người Á Rập còn mở cửa khuya. Chai cognac được gọi ra với một đĩa ô-liu và một khoanh phó-mát. Thêm vài miếng khô nai thơm lừng mùi xá. Thế là đã đủ cho một đêm giao thừa nơi đất khách xa xôi.

Tất cả chúng tôi ai cũng buồn và ít gặp nhau. Tháng hoặc chỉ là điện thoại hỏi thăm sức khoẻ của nhau. Người Việt Nam ở Paris không nhiều, nhưng cũng không quá ít. Ai cũng bận bịu theo vấn đề cơm áo. Vì vậy, tình thân khó nảy nở nếu không phải là giữa những người có cùng một điểm giống nhau trong đời sống hay trên nghề nghiệp. Điểm giống nhau giữa tôi và những người bạn này là “sự cô đơn”.

Đêm Ba Mươi Tết trên xứ người, chúng tôi ngồi uống rượu, nhìn tuyết rơi. Phố xá vắng tanh. Dòng đèn đường soi sáng càng nhiều hơn trong tim mỗi người sự đơn lẻ. Ai nấy lặng im uống từng hớp rượu, uống cả nỗi sầu nhớ nhà vào máu. Rồi, dường như không chịu nổi, một người bạn kêu to: “Chúng mình hát đi! Hát mừng năm mới đi!” Và anh đứng lên xin chủ quán cho được sử dụng cái đàn dương cầm đang nằm lẻ loi trong góc. Cả bọn cùng hát. Trong tiếng hát như có pha màu nước mắt. Giọng nhạc Xuân vang lên suốt những ngày trước Tết trên các băng tầng phát thanh trong quê hương ngày cũ, bây giờ được cất lên trong một không gian lạnh lẽo, xa vời. Có cái gì đó thật ám len giữa mọi người? Một điều gì thân ái như mùi trầm nhang trước bàn thờ tổ tiên trong đêm trừ tịch? Một điều nồng nàn ngát thơm như mùi pháo Tết? Và cũng điều gì đó thật dịu dàng như đôi mắt mẹ hiền cứ mãi ngóng chờ những đứa con xa...

Đêm Ba Mươi trên xứ người, chúng tôi như một đám con nít bơ vơ ngồi bên nhau nhớ về bà mẹ quê hương cũ. Tôi biết rằng mình vẫn còn những người bạn. Những người bạn đến cùng một xứ sở, nói cùng một ngôn ngữ. Những con người đã từng có những dòng kỷ niệm nơi giải đất xa vời yêu dấu ấy, như tôi. Bên ngoài, tuyết rơi mỗi lúc mỗi nhiều hơn...

□

Thứ Năm ngày 9/2/1978.
Lưu diễn Phước Tỉnh, Đồng Nai.

Trạm đến thứ nhất của đoàn trong chuyến lưu diễn Miền Đông là Phước Tỉnh, một vùng ven biển thuộc huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai.

*/ Đồng Nai là tỉnh đầu tiên của Miền Đông Nam phần, bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; nam giáp biển Nam Hải; đông giáp tỉnh Thuận Hải; tây và tây-bắc giáp tỉnh Sông Bé và thành phố Hồ Chí Minh.

*/ Tỉnh Đồng Nai trải dài ra trên thung lũng sông Đồng Nai và một chi lưu của nó là sông La Ngà. Đất tiếp với các cao nguyên Lâm Viên và Di Linh nên hơi cao; phần lớn là đất đỏ, luôn cả đất xám, phũ sa cũ, nên việc trồng trọt ở đây rất thuận lợi.

Chúng tôi phải bỏ Sài Gòn từ sáng sớm Mồng Ba. Phở xá muộn màng im ngủ. Chiếc xe rời thành phố âm thầm, giống như còi lòng chúng tôi vẫn âm thầm tiếc nuối mấy ngày nghỉ Tết.

Xe đến Phước Tỉnh khi vừa tảng sáng. Hơi sương còn đọng trên các cành dương. Anh em công nhân bắt tay ngay vào việc dựng sân khấu cho kịp hát hai xuất. Anh tổ trưởng Tân Nhạc bảo nhỏ tôi: “*Anh em mình đi kiếm cái gì uống ‘giải nghệ’ đi rồi hãy về nhận chỗ ngủ. Đêm qua anh nhậu say quá.*” Vậy là cả nhóm Tân Nhạc mỗi người một xác tay, kéo nhau đi tìm quán *café*.

Sau tháng 4/1975, một điều làm nổi bật sắc thái lè phè của dân Miền Nam là hình ảnh các quán *café*. Đâu cũng có quán *café*, từ thôn quê cho đến thành thị hay các vùng hẻo lánh chân trời góc biển. Quán nào cũng đông khách.

Buổi sáng ở Phước Tỉnh, không khí thật trong lành. Cái quán chúng tôi đến đã mở cửa từ sớm. Rải rác đây đó là các bác phu xe lỏi đang oang oang trò chuyện. Cả đám Tân Nhạc ngồi trên những cái đầu thấp, chụm lại chung quanh một thân cây cửa ngang được dùng làm bàn. Trời thật lạnh. Ai nẩy co ro, so vai rụt cổ. Biết bao câu chuyện được phô bày một cách đầy hứng thú. Chuyện Tết nhất. Chuyện bài bạc. Chuyện rượu chè. Luôn cả chuyện “*má sắp nhỏ*” cần nhằn sao đoàn lại ra đi khi chưa hết Tết.

Tôi cảm động nhìn từng người bạn. Ai cũng có những hoàn cảnh khó khăn, những khổ tâm riêng; nhưng tất cả mọi nỗi này đều được che giấu dưới những nụ cười dễ dãi.

Trong xã hội sau 1975, tình bạn là một nhu cầu cần thiết. Và tình bạn trong xã hội Cải Lương lại còn cần thiết hơn. Vì những điều kiện chung mà vô tình sự đoàn kết chặt chẽ nảy sinh giữa những cá nhân trong từng tổ riêng của đoàn. Tình bạn cũng phát sinh từ đó.

Trong tổ Tân Nhạc, 7 người chúng tôi thân nhau như anh em. Những buổi *café*, những buổi rượu chia xẻ cho nhau cũng hứng thú như những bản đàn vẫn tấu với nhau 30 phút trước mỗi giờ hát. Không có sự phân biệt nam nữ trong tình cảm ấy. Tất cả đều có chỗ đứng độc lập và cùng được tôn trọng theo khả năng riêng.

Trong đoàn, tôi cũng thân với Hạnh, một nữ diễn viên nổi tiếng, bạn với nhau từ khi còn ngồi ở bậc Trung học. Nhưng trên những sinh hoạt chung của đoàn, so với tình đoàn kết cho 6 anh em trong tổ Tân Nhạc thì tình thân cho cô bạn này có phần khác đi.

Sáng sớm Mông Ba, chúng tôi ngồi với nhau nơi chiếc quán của một vùng ven biển đìu hiu xa thành phố. Những điều thuốc lá đen được chuyền tay nhau. Những ly cà-phê nóng đã là những lời chúc mừng đầu năm cho tình bạn, thân ái, nhẹ nhàng như tiếng thì thào không ngớt của biển.

□

Paris. Mỗi buổi trưa đón xe buýt đi làm, tôi đều nhìn thấy nơi trạm đợi có một người đàn bà Pháp độ năm mươi tuổi, thân hình gầy yếu nhưng ăn vận chải chuốt, ngời nói lắm bầm trong miệng. Bao nhiêu chuyến xe đến rồi đi cũng không thấy bà bước lên bục gỗ. Thoạt đầu, tôi ngỡ bà còn đang đợi chuyến xe như ý muốn; sau mới biết bà là một người đãng trí, ngây ngây. Có bữa ngồi đối diện, trộm nhìn thì thấy khuôn mặt bà trông rất tinh anh sáng láng. Thuở thanh xuân, bà hẳn phải là một người rất đẹp. Bà không lưu ý đến ai chung quanh, một cuốn sách luôn mở ra để trên đùi, đôi mắt chú mục vào đó, miệng lâu lâu không ngớt.

Một bữa khác, chỉ còn tôi với bà nơi trạm đợi. Bà chợt ngừng nhìn tôi rồi kêu lên: “A! Cô nhỏ Chinoise!” Tôi chữa: “Không phải. Tôi là người Việt Nam.” Thế là bà đâm vui vẻ hẳn, quay sang chuyện trò với tôi cách thân mật tưởng như lâu ngày quen biết. Trong đôi mắt bà, nét tinh anh lẩn lẩn hiện rõ. Một thoáng, tôi lạ lùng không tin rằng đang trò chuyện với một người đãng trí, ngây ngây.

Bà nói thao thao về lịch sử cận đại của nước Việt Nam. Lối nói bà lôi cuốn đến độ tôi trễ mắt một chuyến xe buýt cách quãng ba mươi phút lúc nào chẳng biết.

Tôi hỏi bà tại sao lại lưu tâm đến lịch sử nước tôi như vậy? Bà nhẹ nhàng đáp: “Cha tôi từng là lính viễn chinh trong quân đội Pháp tại Việt Nam hồi đầu thế kỷ. Sau này trở về nước lập gia đình, ông vẫn nhớ đến Việt Nam, vẫn kể cho lũ con nghe về cái xứ nhỏ bé nhưng có rất nhiều cảnh đẹp và nhiều những con người đáng yêu, mộc mạc. Khi lớn lên, tôi lập gia đình với một thanh niên Việt Nam du học Pháp từ năm 51. Điều tôi ao ước là được một lần theo anh ấy về thăm cho biết cái xứ xa xôi mà cha tôi kể rằng ‘đã đến rồi thì không còn muốn bỏ đi!’, nhưng chồng tôi luôn luôn từ chối. Nói về Việt Nam, anh ấy còn tỏ ra khinh thường và ghê tởm nữa. Tôi không hiểu tại sao. Bây giờ tôi đã già. Vợ chồng tôi ly dị. Ước mơ tuổi trẻ cũng tàn đi theo năm tháng. Nhưng hễ mỗi lần nghĩ tới Việt Nam là tôi vẫn nhớ hoài những lời cha tôi nói ngày xưa.”

Tôi không tỏ bày gì với bà về quê hương tôi hay về người chồng Việt Nam bà đã tâm sự. Tự trong đáy tim, tôi đâm ra có thiện cảm với bà mỗi bữa mỗi nhiều. “Tình quê hương trong lòng mỗi người sâu dày như quá khứ”, tôi nói với bà điều ấy. Và thêm, nhưng cũng từ bà mà tôi thấm cảm được càng nhiều hơn những cái gì liên hệ đến quê hương. □

**Hát Phước Hải, huyện Long Đất, tỉnh Đồng Nai.
Chủ nhật, ngày 12/2/1978.**

Qua đến Phước Hải, đoàn lưu lại một tuần. Ngày đã hết mùi Tết, phố xá đìu hiu, cảm nín. Trên nét mặt của các người dân miền biển chẳng nói lên được điều gì ngoài một nỗi dửng dưng, chịu đựng. Riêng có ngọn gió heo heo thoảng qua không gian mới là điều nhắc tôi nhớ rằng đâu đây vẫn còn sự hiện diện của nàng Xuân.

Trong cuộc đời, tôi vẫn yêu ghê gớm ngọn gió lạnh những ngày trước và sau Tết Nguyên Đán. Trong gió có vương màu Xuân xanh. Trong gió có thơm mùi kỷ niệm. Kỷ niệm những ngày thơ ấu, cứ mỗi mùa Tết đến là đêm đêm các chị em tôi lại đi nhặt hoa vông rơi nơi đầu ngõ. Những cánh hoa màu đỏ lả tả bay trong gió đã gọi lên biết bao cảm xúc thơ ngây ngay từ ngày ấy, chiếm lấy một chỗ đứng vững vàng trong ký ức; để rồi cứ mỗi mùa gió tháng Chạp là tôi lại nhớ đến màu đỏ của hoa vông.

Tuổi thơ nào cũng đẹp, cho dù có là tuổi thơ trong một đất nước bời bời bom đạn. Thì những cánh vông lả tả bay trong gió đẹp một cách nhạt nhòa – như dòng nước mắt trên khuôn mặt mẹ tôi bên xác cha, khi tôi còn rất bé--, đã chính là tuổi thơ của tôi. Màu đỏ của hoa được nhìn như màu đỏ của dòng máu rỉ ra bên mép cha tôi trong giây phút cuối. Và ngay từ thuở ngày xưa, tôi đã gọi màu đỏ là màu biệt ly.

Một tuần lễ ở Phước Hải, bầu trời xám xịt đầy mây. Những cụm mây phiêu du về nơi chân trời tím. Những cụm mây lang thang như bước chân tôi trên biển một mình. Ngọn gió lạnh bỗng càng thêm vồn vã; và tôi tưởng như mình đang tìm lại được chút nào tuổi thơ.

*Cho tôi lại ngày nào,
Trăng lên đầu ngọn cau
Me tôi ngồi khâu áo,
Bên cây đèn dầu hao...*

Có lẽ tôi chết mất thôi trong bốn bức tường kiên cố của kỷ niệm. Chết, nhưng trên đôi môi vẫn nở nụ cười sáng khoái.

□